

Tuần: 25

Tiết: 50

ÔN TẬP

CHƯƠNG I: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

❖ Phản lý thuyết:

Câu 1: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái:

- **Môi trường:** Là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự sống, phát triển và sinh sản của sinh vật.
- Có 4 loại môi trường chủ yếu: MT nước, MT trên đất và không khí, MT trong đất, MT sinh vật (Ví dụ:....)
- **Nhân tố sinh thái:** là những yếu tố của môi trường tác động lên sinh vật.
- Có 2 nhóm nhân tố sinh thái:
 - + Nhân tố vô sinh: ánh sáng, nước, không khí, nhiệt độ, đất.....
 - + Nhân tố hữu sinh: nhân tố con người và nhân tố sinh vật khác (động vật, thực vật, vi khuẩn, nấm).

Câu 2: Giới hạn sinh thái. Vì sao ở nước ta, cá chép lại sống được nhiều vùng khác nhau hơn cá rô phi?

- **Giới hạn sinh thái:** Là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định của môi trường. Nằm ngoài giới hạn này sinh vật sẽ yếu và chết. Giới hạn sinh thái rộng hay hẹp tùy loài.
- + VD: Giới hạn nhiệt độ của cá rô phi ở Việt Nam là từ 5° C đến 42° C
- Cá chép sống được nhiều vùng khác nhau hơn cá rô phi vì cá chép có giới hạn sinh thái rộng hơn cá rô phi (giới hạn chịu nhiệt của cá chép là 2°C đến 44°C, của cá rô phi là 5°C đến 42°C).

❖ Phản vận dụng:

Câu 1: Trong thực tiễn sản xuất, cần phải làm gì để tránh sự cạnh tranh giữa các cá thể sinh vật để không làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng?

Trong trồng trọt: trồng cây với mật độ thích hợp, kết hợp tia thừa cây, chăm sóc đầy đủ, tạo điều kiện cho cây trồng phát triển tốt.

Trong chăn nuôi: Khi đàn quá đông và nhu cầu về nơi ăn, chỗ ở trở nên thiếu thốn, môi trường bị ô nhiễm ta cần tách đàn, cung cấp đầy đủ thức ăn cho chúng cùng với kết hợp vệ sinh môi trường sạch sẽ, tạo điều kiện cho vật nuôi phát triển tốt.

Câu 2: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật: Nhận biết, phân biệt 2 nhóm DV:

+ DV ưa sáng:

+ DV ưa tối:

Câu 3: Ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật:

- Nhận biết 2 nhóm sinh vật:

+ SV biến nhiệt: DV không xương sống, cá, ếch nhái, bò sát, nấm, vi sinh vật, thực vật.

+ SV hằng nhiệt: Chim, thú và người.

SV hằng nhiệt có khả năng chịu đựng sự thay đổi của MT cao hơn vì có cơ chế tự điều hòa thân nhiệt.

Câu 4: Cho ví dụ về các mối quan hệ khác loài: (HS nhận biết được mối quan hệ qua ví dụ cho sẵn)

QUAN HỆ		Đặc điểm	Ví dụ
HỖ TRỢ	Cộng sinh	- 2 bên cùng có lợi - Tách nhau ra → yếu hoặc chết	- Cộng sinh giữa táo và nấm thành địa y - Vi khuẩn trong rễ cây đậu - Trùng roi trong ruột mối
	Hội sinh	- 1 bên có lợi - 1 bên không lợi cũng không bị hại	- Địa y bám trên cành cây - Cá ép bám vào rùa biển - Hải quỳ trên mai cua - Sâu bọ trong tổ kiến, mối
ĐỐI ĐỊCH	Cạnh tranh	- 2 bên giành nhau chất dinh dưỡng, nơi ở	- Cỏ dại và lúa - Dê và bò cùng ăn cỏ trên 1 cánh đồng
	Ký sinh-nửa ký sinh	Loài này sống bám trên loài khác và hút máu, dinh dưỡng từ ký chủ	- Rận, ve trên mình trâu, bò, chó - Giun, sán trong ruột người - Tầm gửi trên cây gỗ - Dây tơ hồng trên cây chủ
	Sinh vật ăn sinh vật khác	DV ăn thịt, DV ăn thực vật, thực vật ăn sâu bọ	- Hổ ăn thỏ, ngựa ăn cỏ, cây nắp ấm bắt sâu bọ

- ❖ **Bài tập:** HS phân tích được giới hạn sinh thái của một loài sinh vật qua sơ đồ cho sẵn.

CHƯƠNG II: HỆ SINH THÁI

Câu 1: Điểm giống và khác nhau giữa quần thể người và quần thể các sinh vật khác. Nguyên nhân sự khác nhau đó?

- Giống nhau: đều có các đặc điểm: giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản và tử vong.
- Khác nhau: chỉ ở quần thể người mới có các đặc điểm: pháp luật, kinh tế, xã hội, hôn nhân, giáo dục và văn hóa.
- Sở dĩ có sự khác nhau đó là do con người có lao động, tư duy, có trí thông minh, nên có khả năng tự điều chỉnh các đặc trưng sinh thái trong quần thể của mình, đồng thời có khả năng cải tạo thiên nhiên.

Câu 2: Ý nghĩa và biện pháp phát triển dân số hợp lý của mỗi Quốc Gia:

- Phát triển dân số hợp lý là điều kiện để phát triển bền vững của mỗi quốc gia, tạo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng hợp lý tài nguyên, môi trường của đất nước.
- Mỗi Quốc Gia cần phát triển dân số hợp lý, không để dân số tăng quá nhanh nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội: Số con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hòa với sự phát triển kinh tế - xã hội, tài nguyên môi trường của đất nước. Mỗi gia đình chỉ nên có từ 1-2 con.

Câu 3: Hiện tượng khống chế sinh học. Giải thích mối quan hệ giữa sâu và chim ăn sâu?

- Khống chế sinh học: là hiện tượng số lượng cá thể của quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác kìm hãm.
- Giải thích: Khi thời tiết thuận lợi số lượng sâu tăng khiến số lượng chim ăn sâu cũng tăng. Khi số lượng chim ăn sâu tăng quá nhiều quần thể sâu bị tiêu diệt nên số lượng sâu giảm kéo theo số lượng chim cũng giảm (GV cho thêm các VD khác, để HS phân tích)

Câu 4: Cân bằng sinh học. Mối liên quan giữa khống chế sinh học và cân bằng sinh học?

- **Cân bằng sinh học:** trong quần xã được biểu hiện ở số lượng cá thể sinh vật trong quần xã đó và luôn luôn được khống chế ở một mức độ nhất định (dao động quanh vị trí cân bằng) phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- **Mối liên quan giữa khống chế sinh học và cân bằng sinh học:** Nhờ khống chế sinh học mà số lượng cá thể của quần thể luôn dao động quanh vị trí ổn định, nhờ đó số lượng cá thể của quần xã được duy trì ở một mức độ nhất định phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

Câu 5: Hệ sinh thái và các thành phần chính trong hệ sinh thái

- **Hệ sinh thái:** Bao gồm quần xã sinh vật và khu vực sống của quần xã (sinh cảnh). Trong đó các sinh vật tác động lẫn nhau và tác động qua lại với các nhân tố vô sinh tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định. Ví dụ: một cái ao, một cái hồ, vườn Quốc gia Cúc Phương, một con sông...là những hệ sinh thái điển hình.
- **Các thành phần chính của hệ sinh thái:**
 - + Thành phần vô sinh: đất, nước, không khí, nhiệt độ, ánh sáng, gió, thảm mục...
 - + Sinh vật sản xuất: thực vật
 - + Sinh vật tiêu thụ: động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt
 - + Sinh vật phân giải: vi khuẩn, nấm...

❖ **Phần vận dụng:**

Câu 6: Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn. Các thành phần chính trong lưới thức ăn?

- **Chuỗi thức ăn:** Là một dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa là sinh vật bị mắt xích phía sau tiêu thụ.
- Có 2 loại chuỗi thức ăn:
 - + Chuỗi thức ăn bắt đầu bằng SVSX : CỎ → THỎ → HỔ → VI SINH VẬT

+ Chuỗi thức ăn bắt đầu bằng xác bã hữu cơ : LÁ MỤC → GIUN → GÀ → CÁO

- Lưới thức ăn:

+ Mỗi loài sinh vật có thể tham gia vào nhiều chuỗi thức ăn tạo thành các mắc xích chung. Các chuỗi thức ăn có chung nhau nhiều mắc xích tạo thành lưới thức ăn..

+ Một lưới thức ăn hoàn chỉnh có đủ 3 thành phần sinh vật: sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải

❖ **Bài tập: HS viết được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn.**